

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Sìn Hồ và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sìn Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021, số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022, số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022, số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sìn Hồ và số 2992/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sìn Hồ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2368/TTr-STNMT ngày 06/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Sìn Hồ và cập nhật vào Kế

hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sìn Hồ đối với 15 công trình, dự án, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 01 dự án, công trình.

2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 14 dự án, công trình.

(Có biểu chi tiết vị trí, địa điểm, diện tích cụ thể của các công trình, dự án kèm theo)

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế *(nếu có)* và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4. Các chủ đầu tư: Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện công trình, dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sìn Hồ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030 VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM HUYỆN SÌN HỒ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất (ha)	Tổng cộng	Loại đất		
I	Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích								
1	Đường ra biên giới đoạn từ bản Pho I - bản Nậm Tân Mông - Mốc 56 huyện Sìn Hồ	Xã Pa Tân	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1165; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,52; đất nương rẫy (NHK) 10,59; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01; đất giáo dục (DGD) 0,0021; đất văn hóa (DVH) 0,0084; đất thủy lợi (DTL) 0,0135; đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD) 0,0003; đất sông suối (SON) 0,0032; đất trồng lúa nước (LUK) 1,5; đất rừng phòng hộ (RPH) 4,5; đất giao thông (DGT) 4,24; đất chưa sử dụng (CSD) 0,996	22,5	Đất giao thông (DGT)	22,5	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022; số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.	Điều chỉnh thiết kế và cắt giảm bãi thải.
II	Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích								
2	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128	Các xã: Tả Ngáo, Làng Mò, Sà Dề Phìn và Thị trấn Sìn Hồ	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,21; đất trồng lúa còn lại (LUK) 1,95; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 2,19; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 11,93; đất trồng cây lâu năm (CLN) 2,29; đất rừng sản xuất (RSX) 9,69; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,45; đất ở tại nông thôn (ONT) 1,97; đất ở đô thị (ODT) 0,29; đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC) 0,01; đất quốc phòng (CQP) 0,14; đất công trình bưu chính, viễn thông (DBV) 0,01; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS) 0,02; đất giáo dục (DGD) 0,08; đất giao thông (DGT) 14,52; đất thủy lợi (DTL) 0,11; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 0,05; đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD) 0,02; đất sông suối (SON) 2,09; đất chưa sử dụng (CSD) 4,94	14,5	Đất giao thông (DGT)	52,96	Đất giao thông (DGT)	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án

3	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ huyện Sin Hồ	Các xã Nậm Cha, Nậm Mạ, Nậm Hăn	Đất ở tại nông thôn (ONT) 10; đất giao thông (DGT) 45,53; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,03; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,31; đất nương rẫy (NHK) 14,85; đất trồng cây lâu năm khác (CLN) 2,6; đất thủy lợi (DTL) 2,46; đất đồi chưa sử dụng (DCS) 3,53; đất văn hóa (DVH) 0,005; đất sông, suối (SON) 0,091; đất rừng sản xuất (RSX) 0,174	30,25	Đất giao thông (DGT)	80,58	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
4	Nâng cấp đường Lao Lử Đê - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu	Xã Tả Ngảo	Đất ở tại nông thôn (ONT) 1; đất giao thông (DGT) 3,8; đất trồng lúa còn lại (LUK) 1; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 9,5 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,14; đất thủy lợi (DTL) 2,6; đất sông, suối (SON) 0,01	15,3	Đất giao thông (DGT)	18,05	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
5	Đường xuống bến Huổi Lá, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	Đất giao thông (DGT) 0,17; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,15; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,01; đất nương rẫy (NHK) 0,08; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,03; đất thủy lợi (DTL) 0,1; đất sông suối (SON) 0,03; đất chưa sử dụng (CSD) 0,11	0,6	Đất giao thông (DGT)	0,68	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
6	Đường xuống bến Huổi Pha 1, 2, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	Đất giao thông (DGT) 0,36; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,38; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,21; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,2; đất nương rẫy (NHK) 0,92; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,03; đất thủy lợi (DTL) 0,24; đất sông suối (SON) 0,08; đất chưa sử dụng (CSD) 0,89	1,5	Đất giao thông (DGT)	3,31	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
7	Đường TT xã đến bản Hồng Ngài (đi qua đường nối QL 32), xã Pa Khóa, huyện	Xã Pa Khóa	Đất giao thông (DGT) 0,1; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,03; đất nương rẫy (NHK) 0,08; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,01; đất thủy lợi (DTL) 0,05; đất sông suối (SON) 0,1; đất chưa sử dụng (CSD) 0,05	0,5	Đất giao thông (DGT)	0,52	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án

	Sin Hồ								
8	Nâng cấp đường Năm Há-Năm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sin Hồ	Các xã: Pu Sam Cáp, Noong Hèo	Đất giao thông (DGT) 2,5; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,5; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,02; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,5; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,72; đất nương rẫy (NHK) 4; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,5; đất rừng sản xuất (RSX) 0,09; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,09; đất thủy lợi (DTL) 0,2; đất chưa sử dụng (CSD) 2,8	6,5	Đất giao thông (DGT)	13,92	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
9	Đường vào bản Ngài San, xã Làng Mồ, huyện Sin Hồ	Xã Làng Mồ	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,02; đất nương rẫy (NHK) 2; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,07; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01; đất giao thông (DGT) 1,03; đất thủy lợi (DTL) 0,01; đất chưa sử dụng (CSD) 0,29	3,3	Đất giao thông (DGT)	4,43	Đất giao thông (DGT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
10	Đường từ Năm Ngập đến Seo Phìn, xã Năm Cha, huyện Sin Hồ	Xã Năm Cha	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,4; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,3; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,02; đất nương rẫy (NHK) 3,3; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1; đất giao thông (DGT) 1,1; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,08; đất rừng sản xuất (RSX) 0,6; đất thủy lợi (DTL) 0,1; đất sông suối (SON) 0,1; đất chưa sử dụng (CSD) 0,1	5,4	Đất giao thông (DGT)	8,1	Đất giao thông	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
11	Đường Huổi Lá - Quỳnh Nhai, xã Năm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Năm Hăn	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,01; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,01; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,1; đất nương rẫy (NHK) 2,3; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,5; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,7; đất giao thông (DGT) 0,31; đất thủy lợi (DTL) 0,01; BHK 0,02; đất sông suối (SON) 0,04; đất chưa sử dụng (CSD) 0,55	2,5	Đất giao thông (DGT)	5,55	Đất giao thông	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
12	Cầu Treo Na Sái - Năm Há, xã Noong Hèo, huyện Sin Hồ	Xã Noong Hèo	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,1; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,24; đất nương rẫy (NHK) 0,2; đất giao thông (DGT) 0,05; đất sông suối (SON) 0,2; đất	1,0	Đất giao thông (DGT)	1,04	Đất giao thông	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án

			chưa sử dụng (CSD) 0,25.					20/5/2023.	
13	Đường Dền Thàng - Nậm Pê, xã Nậm Cha, huyện Sin Hồ	Các xã: Tả Ngáo, Làng Mò	Đất giao thông (DGT) 2; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,5; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2; đất nương rẫy (NHK) 3,01; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,5; đất rừng sản xuất (RSX) 0,08; đất thủy lợi (DTL) 0,5; đất sông suối (SON) 0,2; đất chưa sử dụng (CSD) 0,3	8,5	Đất giao thông (DGT)	9,09	Đất giao thông	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
14	Đường Nội đồng Sáng Tùng - Nậm Khăm, xã Tả Ngáo, huyện Sin Hồ	Xã Tả Ngáo	Đất giao thông (DGT) 2; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,3; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1; đất nương rẫy (NHK) 2,2; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,3; đất thủy lợi (DTL) 0,2; đất sông suối (SON) 0,1; đất chưa sử dụng (CSD) 0,1	6,0	Đất giao thông (DGT)	6,2	Đất giao thông	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án
15	Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư bản Huổi Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ	Xã Nậm Hăn	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1; đất nương rẫy (NHK) 1,35; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,3; đất giao thông (DGT) 0,7; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,45; đất nuôi trồng thủy lợi (DTL) 0,6; đất chưa sử dụng (CSD) 0,6; đất sông suối (SON) 0,2	3,6	Đất ở tại nông thôn (ONT)	5,3	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023.	Điều chỉnh quy mô, diện tích dự án